

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014-8 - Cơ lý thuyết 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	10,00	10,00	10,00	
2	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	7,00	5,30	5,80	
3	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	,00			Nợ HP
4	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00			
5	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	,00			
6	Nguyễn Trung	Kiên	3671030451	14/03/1993	6,00	1,50	2,90	
7	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	4,00	4,00	4,00	
8	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	6,00	3,00	3,90	
9	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994	8,00	6,00	6,60	
10	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	6,00	8,00	7,40	
11	Lê Quang	Trung	3671030650	12/03/1994	4,00	5,00	4,70	
12	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	5,00	8,00	7,10	
13	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	5,00	6,00	5,70	
14	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994	10,00	10,00	10,00	
15	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994	,00			Nợ HP
16	Nguyễn Thiện	Tâm	3671030733	10/09/1994	6,00	5,00	5,30	
17	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993	5,00	8,50	7,50	
18	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	,00			Nợ HP
19	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994	7,00	9,50	8,80	
20	Hồ	Hải	3671030831	28/01/1994	7,00	4,50	5,30	
21	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994	7,00	6,00	6,30	
22	Nguyễn Vĩnh	Phương	3671030879	20/01/1993	6,00	6,50	6,40	
23	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	6,00	7,00	6,70	
24	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	7,00	5,50	6,00	
25	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994	5,00	5,50	5,40	
26	Hồ Ngọc	Long	3671030906	22/02/1991	,00			Nợ HP
27	Lê Minh	Mẫn	3671030937	20/12/1994	9,00	9,50	9,40	
28	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994	6,00	3,00	3,90	
29	Nguyễn Văn	Diệp	3671030984	20/07/1994	8,00	9,00	8,70	
30	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994	7,00	6,50	6,70	
31	Bùi Văn	Định	3671031088	05/11/1994	,00			
32	Lê Đình	Đặng	3671031089	20/10/1994	,00			Nợ HP
33	Nguyễn Hoàng	Phú	3671031099	24/12/1994	9,00	7,00	7,60	
34	Nguyễn Văn	Cường	3671031117	20/09/1994	6,00	2,00	3,20	
35	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993	,00			Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	6,00	4,00	4,60	
37	Nguyễn Hữu	Tuấn	3671031484	27/09/1994	4,00	3,00	3,30	
38	Huỳnh Quang	Hiệp	3671031575	02/10/1994	3,00	1,50	2,00	
39	Trần Minh	Cường	3671031576	26/11/1994	6,00			Nợ HP
40	Trần Viết	Tiến	3671031590	15/09/1994	7,00	3,50	4,60	
41	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	7,00	6,50	6,70	
42	Đinh Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	7,00	9,50	8,80	
43	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	8,00	9,50	9,10	
44	Trần Văn	Duẩn	3671040068	06/02/1994	3,00	4,00	3,70	
45	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	5,00	4,30	4,50	
46	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	3,00	6,00	5,10	
47	Trần Kim	Hỗ	3671040522	20/11/1993	,00			Nợ HP
48	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	,00			Nợ HP
49	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994	7,00	8,00	7,70	
50	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	8,00	4,50	5,60	
51	Biên Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	4,00	5,50	5,10	
52	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	6,00	5,50	5,70	
53	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00			
54	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	9,00	7,80	8,20	
55	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	8,00	7,00	7,30	
56	Lê Xuân	Vinh	3671040890	18/01/1993	10,00	7,80	8,50	
57	Trịnh Trung	Chánh	3671040911	29/07/1993	10,00	6,50	7,60	
58	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	9,00	2,00	4,10	
59	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	6,00	3,50	4,30	
60	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	,00			Nợ HP
61	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994	4,00			
62	Trần Ngọc	Thành	3671041602	23/08/1994	3,00	4,00	3,70	
63	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994	10,00	2,00	4,40	
64	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	,00			Nợ HP
65	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994	4,00	4,00	4,00	
66	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	4,00	7,00	6,10	
67	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	,00			Nợ HP
68	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	8,00	4,00	5,20	
69	Trần	Phát	3672050115	22/03/1992	,00			Nợ HP
70	Mai Ngọc	Son	3672050438	06/02/1994	7,00	4,00	4,90	
71	Phùng Vương	Nghĩa	3672050494	08/09/1994	7,00	6,50	6,70	
72	Võ Lữ Thanh	Phong	3672050649	14/12/1992	10,00	8,00	8,60	
73	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994	,00			
74	Võ Văn	Kiệt	3672050917	20/06/1994	10,00	8,50	9,00	
75	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992	,00			Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Phạm Xuân	Hiệp	3672051108	10/08/1993	,00			Nợ HP
77	Trần Quốc	Toàn	3672051271	08/02/1994	10,00	6,50	7,60	
78	Nguyễn Minh	Lực	3672051474	12/12/1994	4,00	7,00	6,10	
79	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	,00			Nợ HP
80	Phạm Nhật	Thảo	3672051610	20/10/1994	6,00	3,00	3,90	
81	Nguyễn Văn	Hòa	3672051629	20/04/1994	,00			Nợ HP
82	Nguyễn Văn	Thuận	3672051961	14/03/1993	,00			Nợ HP

Tổng số : **SV**

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)